

Số: 107/2025/QĐ-UBND

Huế, ngày 16 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành khung giá cho thuê nhà ở công vụ trên địa bàn thành phố Huế

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giá số 16/2023/QH15;

Căn cứ Luật Nhà ở số 27/2023/QH15;

Căn cứ Nghị định số 95/2024/ND-CP ngày 24 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều luật Nhà ở;

Căn cứ Thông tư số 05/2024/TT-BXD ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật nhà ở;

Căn cứ Thông tư số 14/2021/TT-BXD ngày 08 tháng 9 năm 2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định chi phí bảo trì công trình xây dựng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành khung giá cho thuê nhà ở công vụ trên địa bàn thành phố Huế.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định khung giá cho thuê nhà ở công vụ trên địa bàn thành phố Huế để áp dụng cho các trường hợp để tính giá cho thuê nhà ở công vụ trên địa bàn thành phố Huế.

2. Đối tượng áp dụng

a) Chủ đầu tư dự án xây dựng nhà ở công vụ; người sử dụng nhà ở công vụ; các cơ quan, đơn vị quản lý, vận hành nhà ở công vụ.

b) Tổ chức và cá nhân khác có liên quan đến việc cho thuê nhà ở công vụ.

Điều 2. Khung giá cho thuê nhà ở công vụ

1. Khung giá cho thuê nhà ở công vụ

Đơn vị tính: đồng/m² sử dụng/tháng

Mức giá tối thiểu	Mức giá tối đa
6.200	10.100

2. Khung giá cho thuê nhà ở công vụ quy định tại khoản 1 Điều này đã bao gồm chi phí vận hành, bảo trì, quản lý cho thuê và thuế giá trị gia tăng.

3. Giá cho thuê nhà ở công vụ theo quy định tại khoản 1 Điều này không bao gồm chi phí điện, nước, điện thoại, internet và dịch vụ trông giữ xe.

Giá cho thuê nhà ở công vụ được xác định bằng tiền Việt Nam và tính trên mỗi mét vuông diện tích sàn sử dụng thuộc sở hữu riêng của chủ căn hộ hoặc diện tích sàn sử dụng thuộc phần sở hữu riêng khác (nếu có).

4. Đối với quỹ nhà ở công vụ hiện có của thành phố do đơn vị quản lý vận hành (Trung tâm phát triển quỹ đất thuộc Ủy ban nhân dân thành phố) đang quản lý, cho thuê; áp dụng giá cho thuê là mức giá tối thiểu theo khung giá cho thuê nhà ở công vụ quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 3. Trách nhiệm thực hiện

Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp Sở Tài chính và các đơn vị liên quan thực hiện tiếp nhận, tổng hợp các khó khăn và vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có nhà ở công vụ, đơn vị quản lý, vận hành nhà ở công vụ trong việc quản lý, cho thuê nhà ở công vụ để kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét giải quyết; tổ chức xây dựng giá cho thuê nhà ở công vụ khi có điều chỉnh giá dịch vụ quản lý vận hành nhà chung cư, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 10 năm 2025 và thay thế Quyết định số 23/2016/QĐ-UBND ngày 21 tháng 4 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về việc quy định giá cho thuê nhà ở công vụ trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là thành phố Huế).

Điều 5. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Đơn vị quản lý cho thuê nhà ở công vụ trên địa bàn thành phố Huế và các tổ chức, cá nhân có liên quan khác chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Xây dựng;
- Bộ Tài chính;
- Thường vụ Thành ủy;
- HĐND, TT. HĐND thành phố;
- CT và các PCT UBND thành phố;
- HĐND, UBND các xã, phường;
- Công Thông tin điện tử thành phố;
- Công báo thành phố;
- VP: Lãnh đạo và các CV;
- Lưu: VT, XD.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hoàng Hải Minh